

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

TS. Lê Ngọc Thông

Đại học Kinh tế Quốc dân

Sau hai thập kỷ từ khi hình thành khu công nghiệp (KCN) đầu tiên – KCN Tân Thuận, các KCN Việt Nam đã phát triển mạnh và trở thành yếu tố quan trọng cho sự phát triển nền kinh tế quốc dân trong tiến trình hội nhập. Đó là việc, nâng cao tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp trong GDP của cả nước. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp của các KCN, khu chế xuất (KCX) thời kỳ 1996– 2010 bình quân đạt khoảng 59,6 tỷ USD, tăng bình quân khoảng 25%/năm. Lực lượng lao động trong KCN, KCX gia tăng cùng với sự gia tăng các KCN, KCX và các dự án hoạt động trong KCN, KCX. Tính đến 12/2011, các KCN, KCX đã giải quyết việc làm cho hơn 1,76 triệu lao động trực tiếp. Tuy nhiên bên cạnh những thành tích đạt được, việc phát triển các KCN đã bộc lộ rất nhiều các khuyết tật về nhiều mặt: chất lượng và triển khai quy hoạch; tiến trình hình thành và thu hút đầu tư, hoạt động tại các KCN,...

Khắc phục các khuyết tật trên là nhiệm vụ được đặt ra mang tính cấp bách cho cả xã hội. Yêu cầu trước tiên là phải tìm ra các nguyên nhân gây ra các hiện tượng đó. Kể cả về mặt lý luận và thực tiễn đều dễ dàng nhận ra các khuyết tật đó có liên quan trực tiếp tới việc thực hiện chức năng của nhà nước trong việc quản lý các KCN. Từ thực tế ấy, vấn đề **“Vai trò của nhà nước đối với phát triển các khu công nghiệp”** đã thực sự là vấn đề được cả xã hội quan tâm và nghiên cứu một cách nghiêm túc ở nhiều khía cạnh cả lý luận và thực tiễn.

1. Khái quát chung về vai trò kinh tế của nhà nước

Nhà nước chỉ ra đời và tồn tại trong một giai đoạn nhất định của sự phát triển xã hội và sẽ mất đi khi cơ sở kinh tế - xã hội tương ứng không còn. Trong điều kiện ấy, bản chất của Nhà nước là cơ quan thống trị, là bộ máy cưỡng bức của giai cấp thống trị đối với giai cấp bị trị và đối với các tầng lớp khác trong xã hội. Bản chất nhà nước được thể hiện qua các đặc trưng và chức năng tương ứng. Trong đó, có chức năng quản lý xã hội, chức năng kinh tế. Tất cả thống nhất thành nội dung của nhà nước, với 3 mặt:

- Thiết chế nhà nước = cơ cấu bộ máy + phân bổ quyền lực + các mối quan hệ
- Thể chế nhà nước = quy phạm + chuẩn mực pháp luật. Từ đó, tạo ra khung pháp lý cho tổ chức và hoạt động của nhà nước.
- Hành chính nhà nước = hệ thống thể chế hành chính + bộ máy hành chính + công chức hành chính

Bằng các nội dung ấy, nhà nước thực hiện các nhiệm vụ: thiết lập nền móng pháp luật; xây dựng môi trường chính sách, ổn định kinh tế vĩ mô; đầu tư vào con người và kết cấu hạ tầng; bảo vệ những người dễ bị tổn thương; bảo vệ môi trường sinh thái. Nhà nước thực hiện vai trò quản lý kinh tế là một tất yếu. Để thực hiện được chức năng này, nhà nước cần sử dụng các công cụ quản lý kinh tế - xã hội sau: hệ thống pháp luật và kế hoạch hoá; xây dựng kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác hoạt động có hiệu quả; tài chính; tín dụng; ngân hàng; các công cụ điều tiết kinh tế đối ngoại;...

Chức năng quản lý kinh tế là một bộ phận trong chức năng quản lý xã hội nói chung của nhà nước như đã nêu ở trên và thực hiện qua các mục sau:

- Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi và đảm bảo ổn định chính trị, xã hội cho sự phát triển kinh tế.
- Nhà nước tạo môi trường kinh tế vĩ mô ổn định

cho phát triển kinh tế.

- Nhà nước bảo đảm cho nền kinh tế hoạt động có hiệu quả và lành mạnh.

- Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm định hướng XHCN.

Trên một khía cạnh nào đó, có thể khẳng định: hoạt động của các KCN là hoạt động đối ngoại, và được thực hiện trong xu thế hoạt động của kinh tế đối ngoại; vai trò của nhà nước đối với phát triển các KCN là sự thể hiện cụ thể vai trò nhà nước trong hoạt động kinh tế đối ngoại. Phương hướng trong hoạt động của kinh tế đối ngoại, (chi phối phần nào sự hoạt động xây dựng, phát triển các KCN). Xuất phát từ quan điểm của Đảng: “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”; phương hoá, đa dạng hoá các hình thức kinh tế đối ngoại; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại một cách có hiệu quả; vừa cần tôn trọng và tuân thủ cơ chế thị trường, vừa phải hết sức chú ý củng cố và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong quá trình đó, cần triệt để tuân thủ các nguyên tắc cơ bản: bình đẳng; cùng có lợi; tôn trọng chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của mỗi quốc gia; giữ vững độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa. Các nguyên tắc được thực hiện trong tất cả các hình thức hoạt động (ngoại thương; đầu tư quốc tế; đầu tư trực tiếp (FDI); đầu tư gián tiếp (ODA); hợp tác khoa học - kỹ thuật; tín dụng quốc tế; các hình thức dịch vụ thu ngoại tệ;...).

Để nâng cao hiệu quả của hoạt động đối ngoại cần tiến hành một số giải pháp: đảm bảo sự ổn định về môi trường chính trị, kinh tế - xã hội; có chính sách thích hợp đối với từng hình thức kinh tế đối ngoại; xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; tăng cường vai trò quản lý của nhà nước đối với kinh tế đối ngoại; xây dựng đối tác và tìm kiếm đối tác trong quan hệ kinh tế đối ngoại.

2. Khái quát về vai trò nhà nước đối với phát triển các KCN

2.1. Cơ sở hình thành vai trò nhà nước đối với phát triển các KCN

Theo nhu cầu phát triển nền kinh tế mà các mô hình, các tổ chức kinh tế mới đã xuất hiện. Một số mô hình có hiệu quả và được sử dụng nhiều trên thế giới: “cảng tự do”, “khu thương mại tự do”, “khu chế xuất”, “khu công nghiệp”, “khu kinh tế”,... Riêng mô hình “Khu chế xuất” ra đời từ sự kết hợp đặc trưng của khu “Cảng tự do”, khu “Thương mại tự do” và tổ hợp công nghiệp. KCX đã tạo cho các quốc gia, vùng lãnh thổ khả năng thu hút vốn đầu tư, mở rộng xuất khẩu, giải quyết việc làm cho người lao động trên cơ sở đó thúc đẩy phát triển đất nước với mô hình kinh tế hướng về xuất khẩu. Tuy nhiên, mô hình KCX cũng bộc lộ những bất cập trong xu hướng hội nhập, mở cửa của nền kinh tế thế giới hoặc các quốc gia phát triển theo mô hình vừa hướng về xuất khẩu vừa thay thế nhập khẩu để mở rộng thị trường trong nước... Để khai thác tốt các ưu điểm và khắc phục các hạn chế, mô hình KCX chuyển thành mô hình KCN. Trong KCN, có thể có KCX hoặc các doanh nghiệp chế xuất. Khu công nghiệp, còn gọi là khu kỹ nghệ, là khu vực dành cho phát triển công nghiệp theo một quy hoạch cụ thể nào đó nhằm đảm bảo được sự hài hòa và cân bằng tương đối giữa các mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường. Khu công nghiệp thường được chính phủ cấp phép đầu tư với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khung pháp lý riêng.

Phát triển KCN là căn cứ quan trọng để đẩy mạnh thu hút đầu tư cho phát triển. Chính sự hoạt động thành công của các KCN sẽ là cơ sở để gây ảnh hưởng lan tỏa tích cực đối với địa phương nơi đặt KCN và đối với nền kinh tế nói chung. Việc quản lý và điều hành hoạt động chung của KCN thường do một Ban quản lý KCN điều hành với chức năng một cửa (một đầu mối) với hoạt động của các doanh nghiệp trong KCN như: cấp phép đầu tư, đăng ký doanh nghiệp, xuất nhập khẩu... Ở các địa phương có cả KCN và KCX, Ban quản lý thường làm nhiệm vụ quản lý cả KCN và KCX.

Phát triển các KCN được đặt trong tổng thể phát triển bền vững quốc gia, trong đó lưu ý tới tính đặc thù của các KCN là hình thức tổ chức không gian lãnh thổ công nghiệp. Như vậy, phát triển KCN là việc đảm bảo sự tăng trưởng kinh tế ổn định theo

thời gian, tăng trưởng dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động và hiệu quả nội tại KCN.

Thái Lan thực hiện mô hình KCN xanh. Hàn Quốc và Malaysia thực hiện mô hình KCN theo hướng coi các KCN là những hạt nhân quan trọng trong NSI. Nhật Bản đã hình thành mô hình Khu công nghiệp phụ trợ hoặc Khu công nghiệp chuyên sâu, trong đó có KCN cao.

Xuất phát từ vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Đó là đảm bảo hiệu quả hoạt động của thị trường, đảm bảo công bằng xã hội và ổn định kinh tế vĩ mô. Từ đó, ta có thể thấy, trong hoạt động phát triển kinh tế nói chung và sự phát triển của các KCN nói riêng, Nhà nước cần phải có sự quản lý đối với hoạt động phát triển của các KCN.

Mục tiêu của các doanh nghiệp là tối đa hoá lợi nhuận, tức lợi ích tài chính. Trong khi đó, mục tiêu mà Nhà nước theo đuổi trong các hoạt động phát triển kinh tế đó là lợi ích kinh tế. Do đó, Nhà nước cần sử dụng quyền lực và sức mạnh của mình để điều tiết và khống chế các hành vi không có lợi cho nền kinh tế và cộng đồng. Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện vai trò của mình đối với sự phát triển của các KCN, Nhà nước cần phải tạo môi trường đầu tư hấp dẫn để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, phát huy các điểm mạnh, lợi thế của nền kinh tế quốc dân, góp phần giúp cho các doanh nghiệp KCN sử dụng nguồn lực một cách tiết kiệm và tạo ra được lợi ích chính đáng cho các doanh nghiệp đó, đồng thời bảo vệ được môi trường sinh thái, chủ động phối hợp giữa các mục đích riêng của từng KCN nhằm đạt tới mục tiêu chung của nền kinh tế.

Mặt khác, vai trò của Nhà nước trong việc phát triển các KCN còn xuất phát từ cơ sở pháp lý.

Trước hết là một số văn bản hiện hành, với Việt Nam cần quan tâm tới quy định trong Quy chế KCN, KCX, KCNC được ban hành kèm theo Nghị định 36-CP của Chính phủ ban hành ngày 24/4/1997. Theo đó, nội dung quản lý Nhà nước đối với KCN được quy định tại Điều 21, chương VI:

- Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển KCN.

- Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động của KCN.

Quy định và hướng dẫn việc hình thành, xây dựng, phát triển và quản lý hoạt động của KCN.

Cấp, điều chỉnh, thu hồi các loại giấy phép và thực hiện các thủ tục hành chính Nhà nước có liên quan.

Tổ chức bộ máy, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ.

Kiểm tra, thanh tra, giám sát các hoạt động của KCN và giải quyết các vấn đề phát sinh.

Vai trò của Nhà nước trong việc phát triển các KCN còn xuất phát từ cơ sở thực tế. Đó là đặc điểm của KCN liên quan đến vai trò của Nhà nước.

Đặc điểm thứ nhất: KCN thực chất là một khu vực tập trung các doanh nghiệp sản xuất trong một phạm vi nhất định, các doanh nghiệp trong KCN về cơ bản vẫn phải chịu sự điều chỉnh của hệ thống Luật pháp Việt Nam, chịu sự quản lý của Nhà nước về kinh tế.

Đặc điểm thứ hai: KCN thường được xây dựng ở những vị trí tương đối thuận lợi (gần đường giao thông lớn, bến cảng, sân bay, trung tâm kinh tế...). Yêu cầu đặt ra là cần phải có công tác quy hoạch tổng thể nhằm xác định các vị trí xây dựng các KCN sao cho nó có thể phát huy được hiệu quả cao.

Đặc điểm thứ ba: Các doanh nghiệp trong KCN được hưởng một số quy chế riêng của Nhà nước và địa phương sở tại, các quy chế này thể hiện sự quan tâm, ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi cho các xí nghiệp này phát triển. Điều này đòi hỏi Nhà nước vẫn phải có những chính sách thích hợp nhằm phát huy ưu thế của các KCN.

Đặc điểm thứ tư: KCN được xây dựng với một kết cấu hạ tầng tương đối hiện đại rất tốn kém, thời gian thu hồi vốn lâu, cần phải có sự tham gia của Nhà nước đối với việc xây dựng cơ sở hạ tầng có thể trực tiếp hoặc gián tiếp qua các thành phần kinh tế khác.

Đặc điểm thứ năm: KCN có Ban quản lý chung thống nhất, thực hiện quy chế quản lý thích hợp, tạo điều kiện thuận lợi và hiệu suất tối đa cho các xí nghiệp công nghiệp và các doanh nghiệp khác phát triển.

Đặc điểm thứ sáu: Trong KCN, Nhà nước chỉ quy định những ngành và doanh nghiệp loại nào được khuyến khích phát triển và loại nào không được đặt

trong KCN do yêu cầu bảo vệ môi trường và quốc phòng an ninh. Do đó cần phải có công tác kiểm tra, thanh tra đối với các KCN.

Đặc điểm thứ bảy: Vai trò của Nhà nước trong việc phát triển các KCN còn xuất phát cơ sở từ tác động của KCN đối với nền kinh tế đất nước

Bên cạnh những mặt tích cực mà KCN tạo ra, việc phát triển các KCN còn gây ra nhiều tác động tiêu cực, gây ra nhiều vấn đề xã hội và môi trường rất bức xúc cần phải giải quyết. Do đó, yêu cầu đặt ra là cần phải có sự quản lý của Nhà nước trong việc phát triển các KCN nhằm phát huy những mặt tích cực, đồng thời hạn chế những mặt tiêu cực do các KCN gây ra.

2.2. Vai trò của Nhà nước trong việc phát triển các KCN

Nhà nước với vai trò quản lý vĩ mô có tác động lớn và toàn diện tới sự phát triển của ngành công nghiệp tại địa phương. Nhà nước cần thực hiện các chức năng như định hướng; tạo điều kiện môi trường, điều tiết và kiểm soát. Nhà nước thực hiện vai trò quản lý thông qua việc vận dụng các quy luật khách quan, các chính sách, các nguyên tắc và phương pháp quản lý nói chung một cách toàn diện.

Đối với phát triển KCN, Nhà nước thực hiện các vai trò chủ yếu sau đây:

(1) Định hướng phát triển KCN thông qua việc xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển KCN. Trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia; chiến lược phát triển vùng, lãnh thổ; chiến lược phát triển công nghiệp, Nhà nước xây dựng chiến lược phát triển KCN.

Từ chiến lược phát triển KCN, Nhà nước cần phải quy hoạch phát triển các KCN nhằm thực hiện các chiến lược đã định. Quy hoạch các KCN có tác dụng hạn chế sự chòng chéo, triệt tiêu lẫn nhau trong hoạt động đầu tư, xây dựng, phát triển các KCN; đảm bảo phương hướng phát triển và cơ cấu kinh tế theo đúng đường lối của Đảng; tạo nên sự bổ sung, tác động tích cực giữa các KCN; đảm bảo sự hài hoà, đồng bộ giữa các công trình kết cấu hạ tầng bên trong và ngoài hàng rào KCN; bảo vệ môi trường...Việc xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống KCN ở nước ta hiện nay do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, cùng với sự phối hợp với

các bộ, ngành khác như Bộ Công thương, Bộ Xây dựng và sự tham gia của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(2) Ban hành và chỉ đạo thực hiện chính sách phát triển các KCN.

Chính sách là công cụ, là biện pháp can thiệp của nhà nước vào một ngành, một lĩnh vực hay toàn bộ nền kinh tế theo những mục tiêu nhất định, với những điều kiện thực hiện nhất định và trong một thời hạn xác định.

Trong công nghiệp, sự đòi hỏi khách quan hình thành nên các chính sách phát triển công nghiệp (gọi tắt là chính sách công nghiệp).

Chính sách công nghiệp là những nỗ lực của chính phủ thay đổi cơ cấu công nghiệp nhằm tạo nên tăng trưởng dựa trên năng suất.

Ở Việt Nam hiện nay, chính sách công nghiệp được sử dụng phổ biến gắn với quá trình thực hiện chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, cần xây dựng chính sách công nghiệp trên cơ sở chuỗi giá trị; xây dựng chính sách công nghiệp trong điều kiện nền kinh tế thị trường và tác động của Nhà nước thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, thực thi chính sách công nghiệp.

Chính sách công nghiệp liên quan tới nhiều chính sách về tài chính, tiền tệ; về khoa học công nghệ; về thương mại, xuất, nhập khẩu; về phát triển vùng,...

Mối quan hệ đó là cơ sở để xem xét, lựa chọn thực hiện chính sách công nghiệp theo hướng nào - Chính sách công nghiệp liên quan chặt chẽ với đối với các vùng kinh tế trọng điểm, công nghiệp là ngành kinh tế quan trọng thúc đẩy sự phát triển của vùng.

Từ lý luận và thực tiễn khẳng định ở một số nước, trong đó có Việt Nam, phát triển các KCN về thực chất là phát triển công nghiệp trung ương và phát triển công nghiệp tại địa phương. Do vậy, ở đó phát triển các KCN cần tuân theo các chính sách phát triển công nghiệp tại địa phương; với ba chức năng cơ bản: định hướng, điều tiết, tạo tiền đề phát triển và khuyến khích phát triển cho các hoạt động liên quan tới công nghiệp trong phạm vi vùng lãnh thổ.

Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách phát

triển công nghiệp tại địa phương cần tuân theo các nguyên tắc nhất định: phù hợp chiến lược, chính sách công nghiệp quốc gia; phát huy lợi thế so sánh trong phát triển vùng, địa phương; đảm bảo hài hoà giữa các khu vực; dựa trên thành tựu về khoa học, công nghệ và đảm bảo môi trường sinh thái; phải tạo ảnh hưởng lan toả và góp phần xây dựng “thương hiệu” địa phương; hướng tới mục tiêu chiến lược phát triển bền vững.

Quá trình hoạch định chính sách phát triển KCN

(1) Phân tích xác định vấn đề chính sách hay những mâu thuẫn trong phát triển công nghiệp tại địa phương.

(2) Xác định mục tiêu chính sách phát triển KCN cả định tính và định lượng.

(3) Xây dựng các phương án chính sách tối ưu phát triển KCN.

(4) Thông qua và quyết định chính sách phát triển KCN: đảm bảo theo trình tự và thẩm quyền theo luật pháp mỗi nước quy định.

Vai trò của nhà nước đối với phát triển các KCN, về mặt lý luận được thể hiện như vậy, trong hoạt động, cần đánh giá vai trò đó. Trước hết, xác định hệ thống tiêu chí đánh giá, căn cứ vào lý luận và một số căn cứ khác, theo chúng tôi, hệ thống tiêu chí đánh giá về vai trò của nhà nước đối với phát triển các KCN (cũng là một phần trong hệ thống tiêu chí đánh giá các KCN). Hệ thống tiêu chí này sẽ là cơ sở lý luận chủ yếu cho việc xây dựng các bảng hỏi và hình thành nội dung chủ yếu tìm hiểu, khảo sát thực tế vai trò của nhà nước đối với phát triển các KCN.

Tiêu chí 1: Đánh giá về chính sách phát triển các KCN

Có nhiều phương thức đánh giá vấn đề này. Hiện nay, trong đánh giá chính sách nhiều nước đã đưa vào áp dụng phương pháp PCM (Project Cycle Management). Đánh giá chính sách phát triển KCN theo phương thức tiếp cận ba góc độ đánh giá và dự báo về vị thế; nội lực; tác nhân. Cũng có thể đánh giá chính sách theo 6 tiêu chí cơ bản trên quan điểm mối quan hệ cân bằng bộ phận: tính kinh tế; tính hiệu quả; tính hiệu lực; tính tác động; tính khả thi và tính phù hợp (cần nhấn mạnh tới sự phù hợp với xu

thế thời đại).

Hiệu quả của chính sách phát triển KCN phải được thể hiện qua chính bản thân các KCN.

Trong tiêu chí về chính sách phát triển KCN có chính sách kinh tế ưu đãi KCN. Các cơ chế và chính sách ưu đãi được Nhà nước ban hành sẽ tạo môi trường kinh doanh thuận lợi đối với hoạt động của các chủ đầu tư vào KCN, mà tập trung vào đối tượng là các chủ đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh trong các KCN.

Tiêu chí 2: Đánh giá về vai trò nhà nước trong việc tạo lập cơ sở hạ tầng KCN

Khi lựa chọn địa điểm đầu tư thực hiện dự án, điều mà các nhà đầu tư rất quan tâm đó là cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội của khu vực vì nó có liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh sau này.

Công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm các công trình bên trong và bên ngoài hàng rào KCN. Đối với các nước phát triển, việc xây dựng cơ sở hạ tầng bên trong hàng rào KCN chủ yếu do Nhà nước thực hiện. Đối với công trình hạ tầng bên ngoài hàng rào KCN, đây là những công trình đòi hỏi vốn đầu tư lớn, phụ thuộc vào quy hoạch phát triển vùng, lãnh thổ. Việc xây dựng các công trình này thường không được sự quan tâm của các doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng. Các chủ đầu tư khi xây dựng các KCN thường lựa chọn ở những vị trí đã có cơ sở hạ tầng bên ngoài hàng rào KCN khá phát triển (gần đường giao thông, bến cảng, sân bay...). Do đó công việc này chủ yếu do Nhà nước thực hiện.

Phát triển KCN có tác động lan toả rất lớn, xung quanh các KCN thường tập trung một lượng dân cư đông. Do đó, yêu cầu đặt ra là cần phải có một hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội đi kèm (trường học, bệnh viện, các chợ, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí...) nhằm phát huy tác dụng lan toả của các KCN đồng thời phát huy tốt hơn lợi ích mà các KCN này tạo ra.

Tiêu chí 3: Đánh giá về vai trò nhà nước trong xúc tiến, vận động đầu tư

Việc vận động xúc tiến đầu tư thể hiện sự thiện chí của nước sở tại, mong muốn tìm kiếm đối tác đầu tư. Điều này tác động tới các nhà đầu tư an tâm hay không, đồng thời giảm bớt thời gian đi lại của

các nhà đầu tư để tiến hành tìm hiểu điều kiện đầu tư của nước sở tại.

Tiêu chí 4: Đánh giá về vai trò nhà nước trong cơ chế, chính sách quản lý

Thường bao gồm các thủ tục hành chính, cơ chế quản lý đất đai, thủ tục hành chính,... Với KCN, cần thực hiện cơ chế quản lý đặc biệt, có thể thành lập một bộ máy quản lý riêng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp KCN, đây là một yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư vào các KCN. Trong việc thực hiện vai trò này, Nhà nước cần phải xác định được một mô hình quản lý thích hợp, trong đó sự phân công và phối hợp giữa các bộ phận có liên quan diễn ra một cách thuận lợi, tránh sự chông chéo giữa các bộ phận, phân cấp rõ công việc giữa các bộ phận... Ngoài ra, yếu tố năng lực của các cán bộ trong bộ máy quản lý cũng hết sức quan trọng.

Tiêu chí 5: Đánh giá về vai trò nhà nước trong chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động của các KCN

Công tác này nhằm phát hiện các vấn đề ách tắc nảy sinh trong quá trình phát triển của các doanh nghiệp, kiểm soát và xử lý các tình huống,...

Công tác kiểm tra giám sát phải đảm bảo yêu cầu hỗ trợ và tránh gây phiền nhiễu cho hoạt động tại KCN theo cam kết, theo luật định.

Tiêu chí 6: Đánh giá về vai trò nhà nước trong công tác kiểm soát môi trường và thực hiện mối quan hệ giữa phát triển các KCN và xây dựng nông thôn mới

- Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường trong các KCN gắn với việc xử lý vi phạm một cách kiên quyết, dứt điểm; đồng thời xem xét điều chỉnh các chế tài để

đảm bảo tính răn đe đối với hành vi vi phạm pháp luật về môi trường.

- Nâng cao năng lực quản lý và kỹ thuật về môi trường cho các cơ quan liên quan đến KCN (Ban Quản lý các KCN, Sở TN&MT, Cảnh sát môi trường) để tạo điều kiện cho các cơ quan quản lý có đầy đủ nguồn lực thực hiện nhiệm vụ về bảo vệ môi trường KCN.

Tiêu chí 7: Đánh giá về vai trò của nhà nước trong đào tạo và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động

Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật nhằm cải thiện điều kiện lao động, hỗ trợ đời sống vật chất, tinh thần của người lao động trong KCN phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước; đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN

Tóm lại, sự tác động của nhà nước tới nền kinh tế nói chung và KCN nói riêng phải do sự phát triển của các lĩnh vực đó quy định về mức độ và phương thức tác động. Điều đó diễn ra theo một số yêu cầu:

Thứ nhất, mỗi quốc gia phải tạo lập cho mình một nhà nước vững mạnh, trong sạch, đủ trí tuệ và sức mạnh để điều khiển nền kinh tế phát triển theo các mô hình đã chọn, trong đó có các KCN.

Thứ hai, Nhà nước cần tạo ra một môi trường chính trị ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư.

Thứ ba, Nhà nước cần lựa chọn được chiến lược phát triển đúng đắn, phù hợp với xu thế, xuất phát từ điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước.

Thứ tư, sử dụng hệ thống công cụ kinh tế vĩ mô và vi mô một cách hiệu quả, làm cơ sở thực hiện tốt các chiến lược phát triển. □

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Bùi Quang Vinh phát biểu khai mạc Hội nghị tổng kết 20 năm xây dựng và phát triển KCN, KCX, KKT ở Việt Nam.
2. Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 119.
3. Bùi Vĩnh Kiên, Chính sách phát triển công nghiệp tại địa phương, Luận án tiến sỹ kinh tế, Hà Nội, năm 2009.